

BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2020
Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Nội dung
1	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
2	CDGTVTTW V	Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V
3	QĐ	Quyết định
4	CC-VC, NLĐ	Công chức – Viên chức, người lao động
5	HSSV	Học sinh sinh viên
6	GVC	Giảng viên chính
7	NCS	Nghiên cứu sinh
8	CTCT&QLHSSV	Công tác chính trị và Quản lý học sinh sinh viên
9	KT-ĐBCL&ĐN	Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng và Đối ngoại
10	KHCN	Khoa học công nghệ
11	QTTB-XDCB	Quản trị thiết bị-Xây dựng cơ bản
12	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm

+ Ban Giám hiệu: 03

+ Khoa: 07

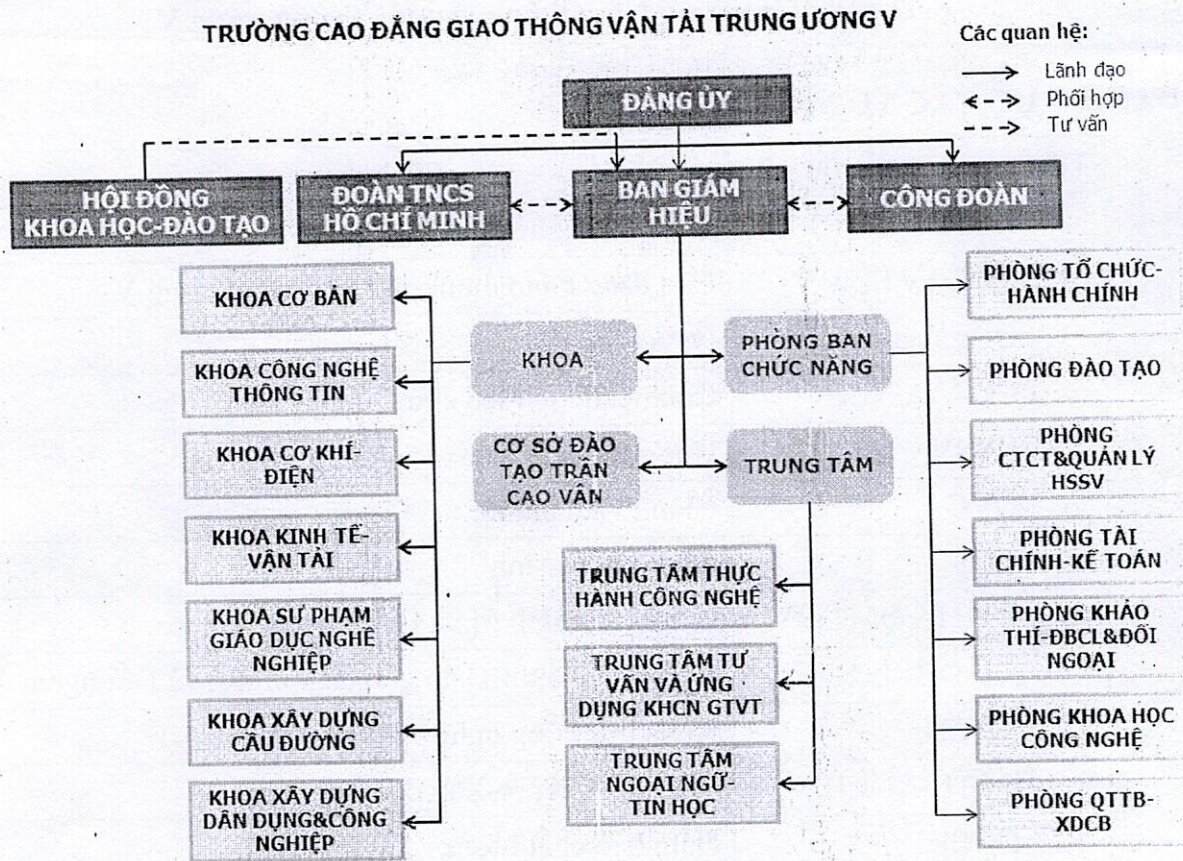
+ Phòng chức năng: 07

+ Cơ sở đào tạo (Cơ sở đào tạo Trần Cao Vân): 01

+ Trung tâm Thực hành công nghệ: 01 và 02 Trung tâm khác thuộc Trường

Đảng bộ Nhà trường trực thuộc Đảng bộ Bộ Giao thông vận tải, chịu trách nhiệm lãnh đạo toàn diện hoạt động của Nhà trường theo quy định của Đảng. Ngoài ra tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên của Nhà trường hiện nay đang trực thuộc Liên đoàn lao động Quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và Thành đoàn Đà Nẵng. Các tổ chức đoàn thể này hoạt động theo điều lệ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Nhà trường.

Để tham mưu cho Ban Giám hiệu thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, đào tạo, Nhà trường duy trì hoạt động của Hội đồng Khoa học - Đào tạo theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng trước đây.



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường

b) Nhân sự

Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Danh sách cán bộ chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Văn Tươi	1977	GVC, Tiến sỹ	Hiệu trưởng
	Nguyễn Thị Phương Dung	1966	GVC, Thạc sỹ	P. Hiệu trưởng
	Đoàn Việt Hùng	1981	Thạc sỹ	P. Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn				
Đảng bộ Nhà trường	Nguyễn Văn Tươi	1977	Tiến sỹ	Bí thư
Công đoàn	Đoàn Việt Hùng	1981	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Trần Đình Hoàng	1987	Thạc sỹ	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng Đào tạo	Mai Vũ Thị Kim Chung	1980	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tổ chức-Hành chính	Nguyễn Đức Toàn	1981	Thạc sỹ	Trưởng phòng

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Phòng Khoa học công nghệ	Phạm Cường	1983	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng CTCT&QLHSSV	Vũ Minh Đức	1982	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tài chính - Kế toán	Nguyễn Tấn Phước	1964	Cử nhân	Phụ trách phòng
Phòng KT-ĐBCL&ĐN	Võ Tâm	1964	GVC, Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QTTB-XDCB	Nguyễn Văn Hiếu	1977	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng phụ trách phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Cơ bản	Phạm Đăng Nguyên	1975	Tiến sỹ	Trưởng khoa
Khoa Xây dựng Cầu đường	Phạm Bá Quốc Thùy	1976	Thạc sỹ	Phó trưởng khoa phụ trách khoa
Khoa Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trần Phước Dũng	1978	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí - Điện	Cao Ánh Dương	1976	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ thông tin	Lê Hồng Dũng	1977	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế - Vận tải	Trương Thị Thùy Trâm	1981	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm giáo dục nghề nghiệp	Đặng Quang Vinh	1977	Thạc sỹ	Trưởng khoa
5. Trưởng các trung tâm				
Trung tâm Tư vấn và ứng dụng Khoa học công nghệ Giao thông vận tải	Phạm Bá Quốc Thùy	1976	Thạc sỹ	Phụ trách Trung tâm
Trung tâm Thực hành công nghệ	Lê Ngọc Định	1978	Thạc sỹ	Giám đốc
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Văn Quý Hòa	1970	Thạc sỹ	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm
6. Trưởng cơ sở đào tạo				
Cơ sở đào tạo Trần Cao Vân	Trịnh Hoà	1967	Cử nhân	Phó trưởng Cơ sở phụ trách cơ sở

- Tổng số cán bộ, nhà giáo, viên chức, người lao động của trường: 184 người, trong đó số cán bộ, giảng viên có độ tuổi từ 51-60: 18 người; độ tuổi từ 46-50: 11 người; độ tuổi từ 31-45: 146 người; đến 30 tuổi: 09 người.

- Đội ngũ giảng viên: 131 người, trong đó:

Số giáo viên, giảng viên có trình độ tiến sỹ 05 người, thạc sỹ 105 người, đại học 21 người. 100% cán bộ quản lý của Trường đã có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ cơ sở quản lý GDNN (kể cả cán bộ trong diện quy hoạch).

Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý của Trường có trình độ chuyên môn cao, nhiệt huyết, tận tâm với công tác giảng dạy. 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, có trình độ tin học, ngoại ngữ đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Các ngành nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 66/2020/GCNĐKKHĐ-TCGDNN cấp ngày 28/5/2020.

Bảng 2. Các ngành nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành, nghề	Trình độ đào tạo	Quy mô tuyển sinh
1	Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ	6340407	Cao đẳng	25
2	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	6510105	Cao đẳng	30
3	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	6510902	Cao đẳng	35
4	Công nghệ kỹ thuật giao thông	6510102	Cao đẳng	50
5	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	6510104	Cao đẳng	75
6	Xây dựng công trình thủy	6510109	Cao đẳng	30
7	Xây dựng cầu - đường bộ	6580205	Cao đẳng	90
		5580205	Trung cấp	35
			Sơ cấp	25
8	Trắc địa công trình	5510910	Trung cấp	30
			Sơ cấp	50
9	Vận hành máy thi công nền	5520183	Trung cấp	70
			Sơ cấp	25
10	Kỹ thuật xây dựng	5580201	Trung cấp	35
			Sơ cấp	25
11	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	6510110	Cao đẳng	25
		5510110	Trung cấp	25
12	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ	6510606	Cao đẳng	18
		5510606	Trung cấp	25
13	Tiếng Anh	6220206	Cao đẳng	20
14	Tiếng Anh du lịch	6220217	Cao đẳng	25
15	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6810101	Cao đẳng	20
16	Logistic	6340113	Cao đẳng	35
17	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Cao đẳng	70
		5340302	Trung cấp	35
18	Kế toán xây dựng	5340309	Trung cấp	35
19	Quản lý và bán hàng siêu thị	5340424	Trung cấp	25
20	Kinh doanh thương mại	6340101	Cao đẳng	25

21	Kinh doanh vận tải đường bộ	5340110	Trung cấp	70
			Sơ cấp	125
22	Quản lý xây dựng	6580301	Cao đẳng	45
23	Quản lý kho hàng	5340425	Trung cấp	25
24	Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas	6340415	Cao đẳng	25
25	Bảo hộ lao động	6850203	Cao đẳng	35
26	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	Cao đẳng	35
27	Lập trình/Phân tích hệ thống (CNTT)	5480211	Trung cấp	45
28	Thiết kế đồ họa	6210402	Cao đẳng	25
29	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	6510201	Cao đẳng	70
30	Chế tạo thiết bị cơ khí	6520104	Cao đẳng	35
31	Cắt gọt kim loại	5520121	Trung cấp	18
			Sơ cấp	50
32	Hàn	5520123	Trung cấp	18
			Sơ cấp	150
33	Điện công nghiệp	6520227	Cao đẳng	70
			Sơ cấp	25
34	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	Trung cấp	105
35	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	Cao đẳng	25
36	Dịch vụ pháp lý	6380201	Cao đẳng	25
		5380201	Trung cấp	25
37	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng	315
		5510216	Trung cấp	105
38	Bảo trì và sửa chữa ô tô	5520159	Trung cấp	70
39	Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu và đường bộ		Sơ cấp	100
40	Vận hành máy xây dựng		Sơ cấp	50
41	Lắp đặt và sửa chữa mạng cáp, thoát nước công trình dân dụng		Sơ cấp	45
42	Quản lý vận hành tòa nhà		Sơ cấp	45
43	Thanh quyết toán công trình		Sơ cấp	50
44	Quản lý kho bãi		Sơ cấp	50
45	Nghiệp vụ bán hàng		Sơ cấp	45
46	Điện dân dụng		Sơ cấp	25
47	Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu và gas		Sơ cấp	25
48	Sửa chữa máy tàu thủy (Thợ máy tàu biển)		Sơ cấp	35
49	Xây dựng đường bộ		Sơ cấp	25

50	Xây dựng cầu		Sơ cấp	25
51	Bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt		Sơ cấp	25
52	Sửa chữa ô tô		Sơ cấp	25
53	Nghiệp vụ Văn thư - lưu trữ		Sơ cấp	25
54	Tuần tra đường bộ		Sơ cấp	55
55	Quản lý Hạt quản lý đường bộ (Hạt trưởng Hạt quản lý đường bộ)		Sơ cấp	55
56	Điện ô tô		Sơ cấp	55
57	Thiết kế nội thất		Sơ cấp	35

Kết quả tuyển sinh của Nhà trường

Bảng 3. Quy mô đào tạo của Trường

TT	Ngành nghề	Năm	2017	2018	2019	2020
A	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG					
1	Công nghệ kỹ thuật giao thông (Xây dựng cầu - đường bộ)		127	52	13	13
2	Xây dựng cầu - đường bộ		142	114	88	71
3	Công nghệ ô tô		518	931	882	970
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		215	122	124	144
5	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng		95	123	74	77
6	Điện công nghiệp		45	79	103	101
7	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ		52	2	2	0
8	Công nghệ thông tin		40	57	48	22
9	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng		10	0	0	0
10	Công nghệ kỹ thuật trắc địa		5	0	0	0
11	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt		5	0	0	0
12	Chế tạo thiết bị cơ khí		208	89	73	98
13	Xây dựng công trình thủy			0	0	0
14	Quản trị kinh doanh vận tải đường bộ		5	0	0	0
15	Kế toán doanh nghiệp		57	49	24	20
16	Dịch vụ pháp lý		8	25	18	8
17	Tiếng Anh		13	20	16	11
18	Logistic		9	20	25	33
19	Kinh doanh thương mại		10	10	5	0
20	Quản lý xây dựng		5		3	9
21	Quản trị kinh doanh xăng dầu & gas		7	3	3	1

TT	Ngành nghề	Năm			
		2017	2018	2019	2020
22	Bảo hộ lao động			0	0
23	Tiếng Anh du lịch				0
24	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				0
25	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí				25
26	Thiết kế đồ họa				0
B	TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP				
1	Xây dựng cầu - đường bộ	78	10	3	3
2	Bảo trì và sửa chữa ô tô	166	98	102	134
3	Lập trình/Phân tích hệ thống	95	16	84	70
4	Kỹ thuật xây dựng	36	12	6	5
5	Công nghệ ô tô	115	216	87	144
6	Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ			0	0
7	XD và bảo dưỡng CTGT đường sắt			0	0
8	Quản lý kho hàng			15	7
9	Cắt gọt kim loại	59	3	2	2
10	Hàn	8	15	5	3
11	Vận hành máy thi công nền	20	13	7	15
12	Trắc địa công trình	6	1	0	0
13	Điện công nghiệp và dân dụng	17	86	237	188
14	Kế toán doanh nghiệp	12	20	54	25
15	Kế toán xây dựng	18	12	25	0
16	Dịch vụ pháp lý	5	1	0	0
17	Kinh doanh vận tải đường bộ	5		0	63
18	Quản lý và bán hàng siêu thị	0	0	0	39
C	SƠ CẤP NGHỀ VÀ BDNV NGẮN HẠN				
1	Xây dựng cầu - đường bộ	245	22		13
2	Điện công nghiệp	4			
3	Kỹ thuật xây dựng	41	17	30	55
4	Cắt gọt kim loại	18			
5	Hàn	62			5
6	Vận hành máy thi công nền	140	6	5	29
7	Trắc địa công trình	25		17	
8	Điện dân dụng	22		50	60
9	Vận hành máy xây dựng	15			

TT	Nghề nghiệp	Năm	2017	2018	2019	2020
10	Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu và đường bộ		292	61		
11	Lắp đặt và sửa chữa mạng cáp, thoát nước công trình dân dụng					
12	Bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt					
13	Sửa chữa máy tàu thủy					
14	Sửa chữa ô tô		25			
15	Xây dựng đường bộ		4		21	
16	Xây dựng cầu		4			
17	Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu và gas					
18	Nghiệp vụ bán hàng					57
19	Quản lý vận hành tòa nhà		15			
20	Thanh quyết toán công trình		15			
21	Quản lý kho bãi					
22	Nghiệp vụ Văn thư - lưu trữ		30			
23	Tuần tra đường bộ			5		22
24	Quản lý Hạt Quản lý đường bộ (Hạt trưởng Hạt Quản lý đường bộ)					2
25	Điện ô tô			13		
26	Thiết kế nội thất					
27	Luật Giao thông vận tải và điều tiết giao thông			76		
28	Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông			199		
29	Quản lý vận hành khai thác cầu treo dân sinh và đảm bảo hành lang an toàn đường bộ				174	
30	Quản lý vận hành và khai thác cầu treo dân sinh				32	
31	Kinh doanh vận tải đường bộ					269

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

- Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng và Đối ngoại
- Số lượng cán bộ: 07

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
1	Võ Tâm	Trưởng phòng	0914.001.202	tamv@caodanggtvt2.edu.vn

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Email
2	Trần Thị Mai Lê	Giảng viên	0236.3648455	lettm@caodanggtvt2.edu.vn
3	Nguyễn Thị Kiều Nga	Giảng viên	0236.3648455	ngantk@caodanggtvt2.edu.vn
4	Lê Trần Nghĩa	Giảng viên	0236.3648455	nghialt@caodanggtvt2.edu.vn
5	Trần Thị Loan	Giảng viên	0236.3648455	loantt@caodanggtvt2.edu.vn
6	Nguyễn Thị Vân Dung	Giảng viên	0236.3648455	dungntv@caodanggtvt2.edu.vn
7	Võ Ngọc Hoa	Giảng viên	0236.3648455	hoavn@caodanggtvt2.edu.vn

1.3.1. Chức năng

Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng và Đối ngoại có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức triển khai, quản lý công tác khảo thí, công tác đánh giá và đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

1.3.2. Nhiệm vụ

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Trường lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và trình Hiệu trưởng phê duyệt;

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị tổ chức thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng;

+ Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất các biện pháp thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng đúng tiến độ, hiệu quả và đảm bảo chất lượng;

+ Cập nhật thông tin hoạt động 3 công khai của Nhà trường;

+ Báo cáo kết quả xây dựng, vận hành và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tổng thể xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng Nhà trường giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 797/QĐ-CDGTVTTW V ngày 13 tháng 7 năm 2018 nhằm cụ thể hóa các hoạt động đảm bảo chất lượng; chuẩn hóa các quy trình làm việc; hệ thống hóa các thông tin đảm bảo chất lượng; sử dụng thông tin đảm bảo chất lượng một cách toàn diện, khách quan có tính hệ thống; nâng cao chất lượng của Nhà trường.

Kể từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã thực hiện kiện toàn tổ chức và nhân sự bảo đảm chất lượng; xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng; thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng; triển khai tự đánh giá chất lượng Nhà trường; thực hiện chế độ báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Nhìn chung, hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường vận hành ổn định, có tính kế thừa và bám sát các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 5668/BGTVT-TCCB ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thực hiện thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng Nhà trường trong đó huy động được sự tham gia của đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo, đội ngũ nhân viên và người học thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Nhà trường trở thành Trung tâm đào tạo uy tín, chất lượng cao ở khu vực Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước;

- Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với các hoạt động để triển khai thực hiện mục tiêu chất lượng, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các đơn vị có liên quan.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo về thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở GDNN trong từng giai đoạn.

- Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GDNN và lấy người học làm trung tâm.

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở GDNN, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Hiệu trưởng phân công Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng & Đối ngoại là đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng của cơ sở GDNN;

- Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng & Đối ngoại là đơn vị đầu mối.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Chính sách chất lượng của Trường cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V được ban hành theo Quyết định số 458/QĐ-CĐGTVT TW V ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V bao gồm các nội dung như sau:

Lãnh đạo, cán bộ, viên chức và người lao động Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V cam kết:

“Xây dựng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V thành trường đào tạo nghề chất lượng cao trước năm 2025; Đến năm 2030 trở thành trường đào tạo nghề đạt đẳng cấp quốc tế”

BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- (1) Không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động hỗ trợ khác;
- (2) Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhà giáo có đủ năng lực, phẩm chất và uy tín để đáp ứng các tiêu chí trường đào tạo nghề chất lượng cao;
- (3) Thường xuyên cập nhật chương trình, giáo trình đào tạo, thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy, đánh giá theo hướng lấy người học làm trung tâm nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế;
- (4) Lắng nghe, tiếp thu ý kiến, tìm hiểu nhu cầu và đáp ứng yêu cầu của người học nhằm cung cấp cho người học những điều kiện tốt nhất để phát triển toàn diện các năng lực;
- (5) Mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, huy động nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị của doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; Hợp tác với các cơ sở đào tạo quốc tế, tiếp cận với các tiêu chuẩn và dịch vụ giáo dục tiên tiến;
- (6) Duy trì có hiệu quả và thường xuyên cải tiến, phát triển Hệ thống bảo đảm chất lượng của Nhà trường.

d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG NĂM HỌC 2019-2020

1. 100% nhà giáo khi lên lớp có giáo trình, giáo án theo đúng quy định.
2. 100% đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong đó có ít nhất 20% đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
3. Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng cấp cơ sở trở lên được nghiệm thu.
4. 100% CC-VC, NLĐ và HSSV được tổ chức khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế.
5. 100% HSSV năm cuối được tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm và thị trường lao động.
6. 100% HSSV thuộc diện chế độ chính sách được hướng dẫn và hoàn thành thủ tục hồ sơ theo quy định của Nhà nước.
7. Từ 80 % HSSV trở lên tốt nghiệp ra trường theo đúng tiến độ.
8. Ít nhất 80% doanh nghiệp được khảo sát hài lòng về mức độ đáp ứng kỹ năng tay nghề của HSSV sau 06 tháng tốt nghiệp.
9. Ít nhất 10 quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường được ban hành và đưa vào vận hành.

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

- Quản lý đào tạo
- Quản lý nội dung, chương trình đào tạo;
- Đánh giá, phân tích, cải tiến;
- Tài chính;

- Cơ sở vật chất;
- Tổ chức nhân sự;
- Quản lý học sinh, sinh viên;
- Quan hệ trường-ngành;
- Môi trường làm việc;
- Nghiên cứu Khoa học và hợp tác quốc tế.

e. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng

Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng và Đối ngoại, đơn vị phụ trách công tác đảm bảo chất lượng tại trường, xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng trong Nhà trường. Hệ thống đảm bảo chất lượng nhà trường bao gồm hệ thống giám sát, cải tiến các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong cơ sở Giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo dõi việc ban hành, sửa đổi, cập nhật các quy trình, quy định tại trường về các hoạt động của các đơn vị trong toàn trường. Hệ thống đảm bảo chất lượng nhà trường là nơi thu thập, xử lý các thông tin minh chứng phục vụ cho các hoạt động kiểm định bên trong cơ sở giáo dục.

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá

a1) Tổng số đợt đánh giá : 01

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 15 và 02 tổ chức đoàn thể

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	29	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	0	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	16	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	02	Quy trình mua sắm, sửa chữa tài sản và Quy trình thực hiện chế độ, chính sách đối với HSSV
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	0	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	0	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm

- Lãnh đạo Trường quan tâm và chỉ đạo thực hiện công tác bảo đảm chất lượng;
- Các đơn vị trong toàn trường đã có nhận thức về hệ thống bảo đảm chất lượng.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Một số ít đơn vị chưa gắn việc bảo đảm chất lượng với việc thực hiện các hoạt động thực tế, chủ yếu làm theo thói quen, không theo quy trình.

3.3. Nguyên nhân

- Một số ít hoạt động chưa được chuẩn hoá, đang trong tiến trình xây dựng và cải tiến;
- Một số ít cán bộ, giảng viên trong toàn Trường chưa thực sự nhận thức đầy đủ về vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong thực hiện công tác bảo đảm chất lượng trong Nhà trường;
- Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác đảm bảo chất lượng nhà trường còn ít.

3.4. Đề xuất

- Các đơn vị chủ động xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng, bám sát mục tiêu chất lượng của Nhà trường và chức năng nhiệm vụ của đơn vị;
- Hoạt động của các đơn vị cần xây dựng gắn với nội dung các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành;
- Xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi cho công tác đảm bảo chất lượng;
- Tăng cường các lớp tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng và đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Trên đây là báo cáo hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2020 của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V./

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- TCGDNN (để b/c);
- Sở LĐ-TBXH thành phố Đà Nẵng (để b/c);
- Bộ Giao thông vận tải (để b/c);
- Lãnh đạo trường;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, P.KT-ĐBCL&ĐN. 

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Tươi

